

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2023

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hoài Sơn

2. Bà Trần Thị Bích Huệ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Hạnh Phúc, xã Tân Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-02-2023 bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ cùng đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc D tự nguyện chung sống cùng nhau từ tháng 10 năm 2008 nhưng đến ngày 06 tháng 5 năm 2011 mới đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái đăng ký kết hôn khi sống cùng nhau vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau nhiều lần vợ chồng cãi nhau có lần anh D đã đánh chị T và đuổi chị T ra khỏi nhà những mâu thuẫn đó đã được gia đình bên nội và bên ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 10 năm 2022 đến nay chị T không sống cùng anh D nữa và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc D có 02 con chung cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2009 và cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2011 hiện nay hai cháu đang sống cùng anh D cuộc sống ổn định khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc D tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung nên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Ngọc D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do tại bản tự khai anh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc D xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị Nguyễn Thị T đã trình bày là đúng. Sau khi sống cùng nhau vợ chồng hạnh phúc đến 01 năm 2022 thì chị T bỏ nhà đi khoảng 01 tháng thì về nhà và vợ chồng cãi nhau nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng tính cách không hợp nhau những mâu thuẫn đó anh D và chị T cùng bên nội bên ngoại nhiều lần hòa giải xong không thành đến tháng 8 năm 2022 chị T bỏ nhà đi và ly thân anh D từ đó đến nay, anh D vẫn quan tâm đến chị T còn chị T không quan tâm đến anh D, anh Nguyễn Ngọc D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Nguyễn Thị T được đoàn tụ gia đình.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc D có 02 con chung cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2009 và cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2011 hiện nay hai cháu đang sống cùng anh D cuộc sống ổn định khi ly hôn anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc D không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc D có hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Ngọc D vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc D tự nguyện chung sống cùng nhau từ tháng 10 năm 2008 nhưng đến ngày 06 tháng 5 năm 2011 mới đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp từ khi sống cùng nhau vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01

năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn sau đó nhiều lần vợ chồng cãi nhau có lần anh D đã đánh chị T nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau những mâu thuẫn đó hai vợ chồng và gia đình bên nội, bên ngoại nhiều lần hòa giải xong không thành. Từ tháng 8 năm 2022 đến nay chị T và anh D không sống cùng nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết còn anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn còn anh D đề nghị được đoàn tụ, hiện nay chị T và anh D đã ly thân nhau mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau anh D mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh D không có biện pháp hòa giải gì để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng. Tại bản tự khai chị T và anh D đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ còn yêu cầu đoàn tụ của anh Nguyễn Ngọc D không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc D có 02 con chung cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2009 và cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2011. Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cháu L và cháu C hiện nay đang sống cùng anh D cuộc sống ổn định anh D có chỗ ở, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/01 tháng. Cháu L và cháu C đều có đơn đề nghị được anh D nuôi dưỡng, chị T cũng đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng các cháu. Từ những căn cứ nêu trên xét thấy đề nghị của anh Nguyễn Ngọc D được nuôi dưỡng cháu L và cháu C là yêu cầu chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cháu C do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Ngọc D không yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc D đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Ngọc D không phải chịu tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2009 và cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/0003236, ngày 21-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên (xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm)

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hợp,
huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Lâm

